

## **HIỆP ĐỊNH**

giữa  
**Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam**  
và  
**Chính phủ Ucraina về điều kiện đi lại miễn thị thực  
lẫn nhau của công dân**

Nhằm mục đích phát triển quan hệ hữu nghị giữa hai nước,

Mong muốn củng cố quan hệ chính trị, kinh tế, thương mại, khoa học kỹ thuật và văn hoá,

Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Ucraina, sau đây gọi tắt là các Bên ký kết,

Đã thoả thuận như sau :

### **Điều 1**

Công dân nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam mang hộ chiếu ngoại giao và công vụ còn giá trị và công dân Ucraina mang hộ chiếu ngoại giao và công vụ còn giá trị, nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh lãnh thổ Bên ký kết kia được miễn thị thực.

### **Điều 2**

1. Những công dân nêu tại Điều 1 của Hiệp định này có thể tạm trú trên lãnh thổ của Bên ký kết kia với thời hạn tối đa là chín mươi (90) ngày.

2. Việc gia hạn thời hạn tạm trú của họ do cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại thực hiện trên cơ sở yêu cầu bằng văn bản của cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của nước đại diện.

### **Điều 3**

1. Công dân của Bên ký kết này mang hộ chiếu nói tại Điều 1 Hiệp định này và là viên chức, nhân viên cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự đóng trên lãnh thổ bên ký kết kia, nhập cảnh, xuất cảnh và tạm trú trên lãnh thổ Bên ký kết kia được miễn thị thực trong suốt thời gian tạm trú chính thức.

2. Quy định của khoản 1 Điều này được áp dụng đối với công dân của mỗi Bên ký kết là viên chức, nhân viên của cơ quan đại diện nước mình tại các tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ Bên ký kết kia và mang hộ chiếu ngoại giao hoặc công vụ còn giá trị.

3. Quy định của các khoản 1 và 2 Điều này cũng được áp dụng đối với thành viên gia đình của những công dân nói trên (vợ/chồng, con, cha mẹ cũng như những người khác được hộ nuôi dưỡng), mang hộ chiếu ngoại giao hoặc công vụ còn giá trị khi họ sống cùng một hộ trong thời gian tạm trú chính thức.

4. Công dân của một Bên ký kết khi ở trên lãnh thổ của Bên ký kết kia là viên chức, nhân viên các cơ quan đại diện của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước và mang hộ chiếu công vụ hoặc hộ chiếu phổ thông có đóng dấu ký hiệu đi việc công, nhập cảnh, xuất cảnh và tạm trú trên lãnh thổ Bên ký kết kia theo các điều kiện nêu tại các khoản 1 và 2 Điều này. 7  
6

#### Điều 4

1. Công dân của Bên ký kết này mang hộ chiếu phổ thông có đóng dấu ký hiệu đi việc công, cũng như mang hộ chiếu thuyền viên nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh lãnh thổ Bên ký kết kia được miễn thị thực.

2. Công dân của một Bên ký kết nói tại khoản 1 Điều này có thể tạm trú trên lãnh thổ Bên ký kết kia với thời hạn tối đa là 30 ngày. Cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết này có thể gia hạn thời hạn tạm trú của những công dân đó trên cơ sở yêu cầu bằng văn bản của cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của Bên ký kết kia.

#### Điều 5

Công dân của một Bên ký kết thuộc diện điều chỉnh của Hiệp định này nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh lãnh thổ của Bên ký kết kia qua các cửa khẩu dành cho giao lưu quốc tế.

### Điều 6

1. Công dân của một Bên ký kết nói tại các điều từ 1 đến 4 của Hiệp định này trong thời gian tạm trú trên lãnh thổ Bên ký kết kia phải tôn trọng pháp luật của Bên ký kết đó.

2. Mỗi Bên ký kết có quyền từ chối nhập cảnh hoặc rút ngắn thời hạn tạm trú trên lãnh thổ của mình đối với công dân của Bên ký kết kia tại các điều từ 1 đến 4 của Hiệp định này khi họ bị coi là "persona non grata" (không được chấp thuận) hoặc không thể chấp nhận.

### Điều 7

Công dân của một Bên ký kết mất các hộ chiếu nêu tại Hiệp định này, phải khai báo việc đó với cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại.

### Điều 8

1. Trước khi Hiệp định này có hiệu lực, các Bên ký kết trao đổi cho nhau qua đường ngoại giao mẫu các loại hộ chiếu nói trong Hiệp định này.

2. Trong trường hợp đưa vào sử dụng hộ chiếu mới hoặc sửa đổi hộ chiếu hiện hành, các Bên ký kết thông báo và trao cho nhau các mẫu hộ chiếu đó ít nhất là 30 ngày trước khi thực hiện.

### Điều 9

1. Vì lý do an ninh hoặc để đảm bảo trật tự xã hội, mỗi Bên ký kết có thể tạm thời đình chỉ hiệu lực một số điều khoản của Hiệp định này.

2. Việc thông báo về tạm thời đình chỉ và lập lại sau đó hiệu lực một số điều khoản của Hiệp định này được tiến hành qua đường ngoại giao trọng thời gian sớm nhất có thể được.

### Điều 10

Những điều khoản của Hiệp định này có thể được sửa //  
đổi và bổ sung theo sự thoả thuận của các Bên ký kết.

**Điều 11**

1. Hiệp định này có hiệu lực sau bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày ký và có hiệu lực không thời hạn.

2. Sau khi thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia, mỗi Bên ký kết có thể đình chỉ hiệu lực của Hiệp định này.

Trong trường hợp đó, Hiệp định này sẽ mất hiệu lực sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày Bên ký kết kia nhận được thông báo nói trên.

3. Từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Xô-viết về điều kiện đi lại lẫn nhau của công dân ký ngày 15 tháng 7 năm 1981 và Nghị định thư kèm theo Hiệp định đó sẽ mất hiệu lực.

Làm tại *Ki-ép*, ngày 21 tháng 10 năm 1993 thành 2 bản, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Ucraina, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM



THAY MẶT CHÍNH PHỦ  
UCRAINA

